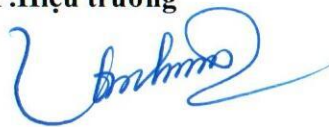


THÔNG KÊ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP, RÈN LUYỆN
HỌC KỲ I - NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Lớp	GV chủ nhiệm	Tổng số HS (*)	Học tập										Rèn luyện									
				Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Miễn giảm		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Miễn giảm	
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Toàn trường			453	68	15,0	198	43,7	173	38,2	13	2,9	1	0,22	326	72,0	97	21,4	25	5,5	5	1,1	0	0
1	Khối 6		96	16	16,7	41	42,7	36	37,5	3	3,1	0	0	73	76,0	22	22,9	1	1,0	0	0	0	0
1.1	6A1	Ngô Thị Ngân	31	4	12,9	9	29,0	17	54,8	1	3,2	0	0	23	74,2	8	25,8	0	0	0	0	0	0
1.2	6A2	Lò Thị Dung	32	5	15,6	16	50	9	28,1	2	6,3	0	0	26	81,3	6	18,8	0	0	0	0	0	0
1.3	6A3	Phùng Thị Dung	33	7	21,2	16	48,5	10	30,3	0	0	0	0	24	72,7	8	24,2	1	3,0	0	0	0	0
2	Khối 7		97	16	16,5	33	34,0	45	46,4	2	2,1	1	1,0	61	62,9	27	27,8	8	8,3	1	1,0	0	0
2.1	7B1	Lò Thị Kim Dung	34	3	8,8	13	38,2	17	50	0	0	1	2,9	24	70,6	8	23,5	2	5,9	0	0	0	0
2.2	7B2	Đặng Thị Kim Ngân	32	6	18,8	10	31,3	15	46,9	1	3,1	0	0	14	43,8	13	40,6	4	12,5	1	3,1	0	0
2.3	7B3	Hồ Thị Quỳnh	31	7	22,6	10	32,3	13	41,9	1	3,2	0	0	23	74,2	6	19,4	2	6,5	0	0	0	0
3	Khối 8		135	20	14,8	59	43,7	51	37,8	5	3,7	0	0	98	72,6	26	19,3	9	6,7	2	1,5	0	0
3.1	8C1	Đoàn Thị Minh Nguyệt	32	5	15,6	10	31,3	15	46,9	2	6,3	0	0	23	71,9	7	21,9	1	3,1	1	3,1	0	0
3.2	8C2	Vũ Thị Hồng Hạnh	35	7	20	11	31,4	16	45,7	1	2,9	0	0	28	80	5	14,3	2	5,7	0	0	0	0
3.3	8C3	Nguyễn Thị Lan	33	3	9,1	16	48,5	13	39,4	1	3,0	0	0	23	69,7	6	18,2	4	12,1	0	0	0	0
3.4	8C4	Nguyễn Thị Trang	35	5	14,3	22	62,9	7	20	1	2,9	0	0	24	68,6	8	22,9	2	5,7	1	2,9	0	0
4	Khối 9		125	16	12,8	65	52	41	32,8	3	2,4	0	0	94	75,2	22	17,6	7	5,6	2	1,6	0	0
4.1	9D1	Doãn Hải Yến	41	10	24,4	24	58,5	6	14,6	1	2,4	0	0	31	75,6	6	14,6	3	7,3	1	2,4	0	0
4.2	9D2	Nguyễn Thị Thanh Bình	39	2	5,1	16	41,0	20	51,3	1	2,6	0	0	25	64,1	10	25,6	3	7,7	1	2,6	0	0
4.3	9D3	Nông Thị Hào	45	4	8,9	25	55,6	15	33,3	1	2,2	0	0	38	84,4	6	13,3	1	2,2	0	0	0	0

Người lập biểu
P.Hiệu trưởng



Lê Thị Nhung

Tỉnh Điện Biên, ngày 25 tháng 1 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
THANH YÊN



Lê Thị Hồng

THÔNG KÊ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP, RÈN LUYỆN HỌC SINH NỮ
HỌC KỲ I - NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Lớp	GV chủ nhiệm	Tổng số HS (*)	Học tập										Rèn luyện									
				Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Miễn giảm		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Miễn giảm	
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Toàn trường			222	53	23,9	129	58,1	39	17,6	1	0,5	1	0,45	197	88,7	23	10,4	2	0,9	0	0	0	0
1	Khối 6		44	12	27,3	25	56,8	6	13,64	1	2,3	0	0	39	88,6	4	9,1	1	2,3	0	0	0	0
1.1	6A1	Ngô Thị Ngân	14	3	21,43	7	50,0	4	28,6	0	0,0	0	0	13	92,9	1	7,1	0	0	0	0	0	0
1.2	6A2	Lò Thị Dung	14	4	28,6	8	57,14	1	7,1	1	7,1	0	0	13	92,9	1	7,1	0	0	0	0	0	0
1.3	6A3	Phùng Thị Dung	16	5	31,3	10	62,5	1	6,25	0	0	0	0	13	81,3	2	12,5	1	6,3	0	0	0	0
2	Khối 7		37	12	32,4	19	51,4	6	16,2	0	0,0	1	2,7	36	97,3	1	2,7	0	0,0	0	0,0	0	0
2.1	7B1	Lò Thị Kim Dung	14	3	21,4	7	50,0	4	28,57	0	0	1	7,1	13	92,9	1	7,1	0	0,0	0	0	0	0
2.2	7B2	Đặng Thị Kim Ngân	14	6	42,9	7	50,0	1	7,1	0	0,0	0	0	14	100,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0
2.3	7B3	Hồ Thị Quỳnh	9	3	33,3	5	55,6	1	11,1	0	0,0	0	0	9	100,0	0	0,0	0	0,0	0	0	0	0
3	Khối 8		75	14	18,7	46	61,33	15	20,0	0	0	0	0	69	92,0	5	6,7	1	1,3	0	0,0	0	0
3.1	8C1	Đoàn Thị Minh Nguyệt	19	4	21,1	9	47,4	6	31,6	0	0,0	0	0	19	100,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0
3.2	8C2	Vũ Thị Hồng Hạnh	20	6	30	9	45,0	5	25,0	0	0,0	0	0	20	100	0	0,0	0	0,0	0	0	0	0
3.3	8C3	Nguyễn Thị Lan	15	0	0,0	13	86,7	2	13,3	0	0,0	0	0	13	86,67	2	13,3	0	0,0	0	0	0	0
3.4	8C4	Nguyễn Thị Trang	21	4	19,1	15	71,4	2	9,52	0	0,0	0	0	17	81,0	3	14,3	1	4,8	0	0,0	0	0
4	Khối 9		66	15	22,73	39	59,09	12	18,18	0	0	0	0	53	80,3	13	19,7	0	0	0	0	0	0
4.1	9D1	Doãn Hải Yến	26	9	34,6	15	57,7	2	7,7	0	0,0	0	0	21	80,8	5	19,2	0	0,0	0	0,0	0	0
4.2	9D2	Nguyễn Thị Thanh Bình	19	2	10,5	10	52,6	7	36,8	0	0,0	0	0	12	63,16	7	36,8	0	0,0	0	0,0	0	0
4.3	9D3	Nông Thị Hào	21	4	19,1	14	66,7	3	14,3	0	0,0	0	0	20	95,2	1	4,8	0	0,0	0	0	0	0

Người lập biểu
P.Hiệu trưởng



Lê Thị Nhung

Tỉnh Điện Biên, ngày 25 tháng 1 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG



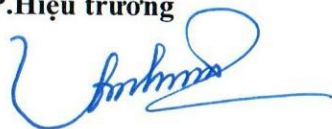
Lê Thị Hồng

THÔNG KÊ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP, RÈN LUYỆN HỌC SINH DÂN TỘC
HỌC KỲ I - NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Lớp	GV chủ nhiệm	Tổng số HS (*)	Học tập									Rèn luyện										
				Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Miễn giảm		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Miễn giảm	
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Toàn trường			294	27	9,2	136	46,3	123	41,8	8	2,7	1	0,34	207	70,4	69	23,5	17	5,8	1	0,34	0	0
1	Khối 6		68	8	11,8	28	41,2	30	44,12	2	2,9	0	0	50	73,5	17	25,0	1	1,5	0	0	0	0
1.1	6A1	Ngô Thị Ngân	26	3	11,54	7	26,9	15	57,7	1	3,9	0	0	19	73,1	7	26,9	0	0	0	0	0	0
1.2	6A2	Lò Thị Dung	21	2	9,5	12	57,14	6	28,6	1	4,8	0	0	17	81,0	4	19,1	0	0	0	0	0	0
1.3	6A3	Phùng Thị Dung	21	3	14,3	9	42,9	9	42,86	0	0	0	0	14	66,7	6	28,6	1	4,8	0	0	0	0
2	Khối 7		53	4	7,6	17	32,1	31	58,5	1	1,9	1	1,9	29	54,7	19	35,9	5	9,4	0	0,0	0	0
2.1	7B1	Lò Thị Kim Dung	21	0	0,0	7	33,3	14	66,67	0	0	1	4,8	13	61,9	6	28,6	2	9,5	0	0	0	0
2.2	7B2	Đặng Thị Kim Ngân	16	2	12,5	4	25,0	10	62,5	0	0,0	0	0	6	37,5	8	50,0	2	12,5	0	0,0	0	0
2.3	7B3	Hồ Thị Quỳnh	16	2	12,5	6	37,5	7	43,8	1	6,3	0	0	10	62,5	5	31,3	1	6,3	0	0	0	0
3	Khối 8		84	7	8,3	39	46,43	35	41,7	3	3,57	0	0	61	72,6	17	20,2	6	7,1	0	0,0	0	0
3.1	8C1	Đoàn Thị Minh Nguyệt	18	1	5,6	6	33,3	10	55,6	1	5,6	0	0	12	66,7	5	27,8	1	5,6	0	0,0	0	0
3.2	8C2	Vũ Thị Hồng Hạnh	29	4	13,79	9	31,0	15	51,7	1	3,5	0	0	22	75,86	5	17,2	2	6,9	0	0	0	0
3.3	8C3	Nguyễn Thị Lan	20	1	5,0	11	55,0	7	35,0	1	5,0	0	0	16	80	2	10,0	2	10,0	0	0	0	0
3.4	8C4	Nguyễn Thị Trang	17	1	5,9	13	76,5	3	17,65	0	0,0	0	0	11	64,7	5	29,4	1	5,9	0	0,0	0	0
4	Khối 9		89	8	8,99	52	58,43	27	30,34	2	2,25	0	0	67	75,28	16	17,98	5	5,62	1	1,12	0	0
4.1	9D1	Doãn Hải Yến	29	6	20,7	19	65,5	3	10,3	1	3,5	0	0	22	75,9	4	13,8	2	6,9	1	3,5	0	0
4.2	9D2	Nguyễn Thị Thanh Bình	25	0	0,0	12	48,0	13	52,0	0	0,0	0	0	15	60	8	32,0	2	8,0	0	0,0	0	0
4.3	9D3	Nông Thị Hào	35	2	5,7	21	60,0	11	31,4	1	2,9	0	0	30	85,7	4	11,4	1	2,9	0	0	0	0

Người lập biểu

P.Hiệu trưởng



Lê Thị Nhung

Tỉnh Điện Biên, ngày 25 tháng 1 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Hồng

THÔNG KÊ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP, RÈN LUYỆN HỌC SINH NỮ DÂN TỘC
HỌC KỲ I - NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Lớp	GV chủ nhiệm	Tổng số HS (*)	Học tập										Rèn luyện									
				Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Miễn giảm		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Miễn giảm	
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Toàn trường			146	22	15,1	95	65,1	28	19,2	1	0,7	1	0,68	128	87,7	16	11,0	2	1,4	0	0	0	0
1	Khối 6		31	6	19,4	19	61,3	5	16,13	1	3,2	0	0	27	87,1	3	9,7	1	3,2	0	0	0	0
1.1	6A1	Ngô Thị Ngân	11	2	18,18	6	54,6	3	27,3	0	0,0	0	0	10	90,9	1	9,1	0	0	0	0	0	0
1.2	6A2	Lò Thị Dung	11	2	18,2	7	63,64	1	9,1	1	9,1	0	0	10	90,9	1	9,1	0	0	0	0	0	0
1.3	6A3	Phùng Thị Dung	9	2	22,2	6	66,7	1	11,11	0	0	0	0	7	77,8	1	11,1	1	11,1	0	0	0	0
2	Khối 7		19	3	15,8	11	57,9	5	26,3	0	0,0	1	5,3	18	94,7	1	5,3	0	0,0	0	0,0	0	0
2.1	7B1	Lò Thị Kim Dung	8	0	0,0	4	50,0	4	50	0	0	1	12,5	7	87,5	1	12,5	0	0,0	0	0	0	0
2.2	7B2	Đặng Thị Kim Ngân	6	2	33,3	4	66,7	0	0,0	0	0,0	0	0	6	100,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0
2.3	7B3	Hồ Thị Quỳnh	5	1	20,0	3	60,0	1	20,0	0	0,0	0	0	5	100,0	0	0,0	0	0,0	0	0	0	0
3	Khối 8		49	6	12,2	33	67,35	10	20,4	0	0	0	0	47	95,9	1	2,0	1	2,0	0	0,0	0	0
3.1	8C1	Đoàn Thị Minh Nguyệt	10	1	10,0	6	60,0	3	30,0	0	0,0	0	0	10	100,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0
3.2	8C2	Vũ Thị Hồng Hạnh	17	4	23,53	8	47,1	5	29,4	0	0,0	0	0	17	100	0	0,0	0	0,0	0	0	0	0
3.3	8C3	Nguyễn Thị Lan	12	0	0,0	10	83,3	2	16,7	0	0,0	0	0	12	100	0	0,0	0	0,0	0	0	0	0
3.4	8C4	Nguyễn Thị Trang	10	1	10,0	9	90,0	0	0	0	0,0	0	0	8	80,0	1	10,0	1	10,0	0	0,0	0	0
4	Khối 9		47	7	14,89	32	68,09	8	17,02	0	0	0	0	36	76,6	11	23,4	0	0	0	0	0	0
4.1	9D1	Doãn Hải Yến	17	5	29,4	12	70,6	0	0,0	0	0,0	0	0	14	82,4	3	17,7	0	0,0	0	0,0	0	0
4.2	9D2	Nguyễn Thị Thanh Bình	14	0	0,0	8	57,1	6	42,9	0	0,0	0	0	7	50	7	50,0	0	0,0	0	0,0	0	0
4.3	9D3	Nông Thị Hào	16	2	12,5	12	75,0	2	12,5	0	0,0	0	0	15	93,8	1	6,3	0	0,0	0	0	0	0

Người lập biểu

P.Hiệu trưởng



Lê Thị Nhung

Tỉnh Điện Biên, ngày 25 tháng 1 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Hồng